



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)



29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (08) 3820 5944 - (08) 3820 5947 • Fax: (08) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA I.D.I**

*Báo cáo Tài chính riêng
cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2015 kết thúc tại ngày 30/06/2015
đã được soát xét*

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	03 - 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	04 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 37

0314125
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN ĐA QUỐC
GIA I.D.I
Đ. T. Đ. T.

0501172
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN ĐA
QUỐC GIA I.D.I
KIỂM TOÁN
HÓA NẠI
- TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2015 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 29 tháng 05 năm 2015.

Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Tổng vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 29 tháng 05 năm 2015 là 855.000.000.000 VNĐ (Tám trăm năm mươi năm tỷ đồng).

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con: + Công ty Cp Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản
+ Công ty Cp Dầu Cá Châu Á
+ Công ty Cp Tư vấn và Đầu tư Tài Chính

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2015 là: **34.810.758.920 VND**
Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015 là: **166.132.506.104 VND**

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng

Ngày 08 tháng 07 năm 2015, Công ty đã công bố thông tin về việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ là 15% cổ phiếu theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12406/NQ - HĐQT/2015 ngày 24 tháng 06 năm 2015.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông: Lê Thanh Thuấn	Chủ tịch
Ông: Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông: Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông: Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông: Phạm Đình Nam	Thành viên
Ông: Lê Văn Chung	Thành viên
Ông: Trần Hải Hà	Thành viên

Miễn nhiệm ngày 10/05/2015

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm: (tiếp theo)

Bà :	Nguyễn Thùy Thương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/05/2015
Ông:	Ông Lê Văn Thành	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 10/05/2015
Bà :	Lê Thị Phương	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 10/05/2015
Ông:	Trương Công Khánh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 10/05/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông:	Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc
Ông:	Phạm Đình Nam	P.Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Cảnh	P.Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Đình Lịch	P.Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Xuân Định	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Lê Hoàng Cương	Trưởng ban
Bà :	Nguyễn Thị Hương	Ủy viên
Ông:	Lê Thanh Dũng	Ủy viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I phê duyệt báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2015 kết thúc tại ngày ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty .

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 7 năm 2015

**Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch**

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc**

LÊ THANH THUẬN



LÊ VĂN CHUNG

0314129
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA
I.D.I
H. LẤP VÒ
T. ĐỒNG THÁP

5011
CÔNG
CH NHIỆM
VỤ T
HÌNH I
KIỂM
HÓA N
TP. V

Số: ~~494~~./BCKT/TC/2015/AASCS

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I lập tại ngày 20 tháng 07 năm 2015, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2015 kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 được trình bày từ trang 05 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2015 kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc

**Lê Văn Tuấn**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2013-142-1

Kiểm toán viên

Bùi Thị Thanh Thảo

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2119-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.857.155.811.597	1.159.975.923.761
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	167.859.466.031	66.127.208.356
111	1. Tiền		95.859.466.031	38.827.208.356
112	2. Các khoản tương đương tiền		72.000.000.000	27.300.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	338.783.381.051	21.483.381.051
121	1. Chứng khoán kinh doanh		21.483.381.051	21.483.381.051
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		317.300.000.000	
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		848.923.453.561	533.238.928.728
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	399.564.268.480	344.518.635.604
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		400.211.631.478	133.674.499.167
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	06	87.618.701.233	90.781.882.406
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(38.471.147.630)	(35.736.088.449)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho		489.722.082.883	522.603.592.270
141	1. Hàng tồn kho	08	489.722.082.883	522.603.592.270
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.867.428.071	16.522.813.356
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.584.043.837	1.457.142.127
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.688.867.590	14.952.021.917
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	594.516.644	113.649.312
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		889.051.290.854	790.676.419.246
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		15.068.546.199	12.985.113.749
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	3. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	06	15.068.546.199	12.985.113.749
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		498.151.223.150	536.306.373.825
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	260.885.014.460	309.037.458.526
222	- Nguyên giá		370.793.478.984	408.756.237.295
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(109.908.464.524)	(99.718.778.769)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	140.818.719.745	144.954.147.787
225	- Nguyên giá		160.500.082.606	160.500.082.606
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(19.681.362.861)	(15.545.934.819)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	96.447.488.945	82.314.767.512
228	- Nguyên giá		97.194.993.085	84.163.336.291
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(747.504.140)	(1.848.568.779)
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	09	10.199.594.446	110.509.966.651
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		10.199.594.446	110.509.966.651
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	364.999.970.238	127.974.660.266
251	1. Đầu tư vào công ty con		356.135.500.000	
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			122.209.500.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.000.000.000	9.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(135.529.762)	(3.234.839.734)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	V. Tài sản dài hạn khác		631.956.821	2.900.304.755
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	631.956.821	2.900.304.755
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.746.207.102.451	1.950.652.343.007

031412
 NG TY
 PHAI
 PHAT TI
 JOG GI
 D.I
 ĐỒNG

50112
 CÔNG
 CH NHIỆM
 H VỤ T
 HÌNH K
 KIỂM
 HIA N
 TP.H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
300	C . NỢ PHẢI TRẢ		1.685.708.977.596	1.322.758.977.072
310	I. Nợ ngắn hạn		1.546.321.157.855	1.216.236.504.753
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	168.752.472.401	207.820.569.986
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		15.760.766.905	19.018.492.774
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.697.984.191	3.965.087.405
314	4. Phải trả người lao động		11.091.344.175	19.275.731.456
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	17	18.834.616.085	17.913.304.369
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	1.320.982.149.753	944.006.494.418
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.201.824.345	4.236.824.345
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		139.387.819.741	106.522.472.319
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	162.959.328	195.551.194
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	139.224.860.413	106.326.921.125
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
400	D . VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.060.498.124.855	627.893.365.935
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.060.498.124.855	627.893.365.935
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		855.000.000.000	456.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		855.000.000.000	456.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.266.800.000	17.668.800.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		22.098.818.751	22.098.818.751
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		166.132.506.104	132.125.747.184
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		131.321.747.184	41.706.435.919
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		34.810.758.920	90.419.311.265
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.746.207.102.451	1.950.652.343.007

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 7 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN PHƯỚC MINH

LÊ XUÂN ĐỊNH

LÊ VĂN CHUNG



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.056.012.131.246	1.141.049.064.085
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	28.123.187.773	260.858.235
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	1.027.888.943.473	1.140.788.205.850
11	4. Giá vốn hàng bán	24	889.606.892.422	1.007.264.717.057
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		138.282.051.051	133.523.488.793
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	3.647.928.671	5.139.481.356
22	7. Chi phí tài chính	26	44.037.433.533	29.075.068.753
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		35.555.470.591	24.763.316.205
24	8. Chi phí bán hàng	27	46.008.217.153	37.291.093.203
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	13.875.683.669	15.353.739.718
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		38.008.645.367	56.943.068.475
31	11. Thu nhập khác	28	11.308.576.951	89.761.359
32	12. Chi phí khác	29	2.389.201.397	116.184.905
40	13. Lợi nhuận khác		8.919.375.554	(26.423.546)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		46.928.020.921	56.916.644.929
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	12.117.262.001	4.474.585.820
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		34.810.758.920	52.442.059.109

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 7 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

TRẦN PHƯỚC MINH

LÊ XUÂN ĐỊNH

LÊ VĂN CHUNG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		46.928.020.921	56.916.644.929
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		17.513.861.480	19.289.508.425
03	2. Các khoản dự phòng		(364.250.791)	(5.545.971.333)
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.888.797.050	2.100.537.297
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.730.372.484)	(1.923.108.160)
06	5. Chi phí lãi vay		35.555.470.591	24.763.316.205
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		90.791.526.767	95.600.927.363
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(317.974.921.318)	147.432.561.794
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		32.881.509.387	(32.422.937.168)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(71.198.620.326)	(232.229.357.217)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.141.446.224	(1.950.998.446)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(35.555.470.591)	(24.763.316.205)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.352.343.834)	(2.470.620.467)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(35.000.000)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(308.301.873.691)	(50.803.740.346)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(221.540.000)	(692.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		156.123.059.000	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(317.300.000.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(252.000.000.000)	(1.040.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.074.000.000	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		555.101.291	1.923.118.160
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(394.769.379.709)	191.118.160

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
 06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		399.000.000.000	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		2.083.666.678.874	1.155.984.104.237
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.666.435.679.328)	(1.118.148.675.976)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(11.395.722.162)	(6.102.526.595)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(33.250.000)	(2.850.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		804.802.027.384	31.730.051.666
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		101.730.773.984	(18.882.570.520)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		66.127.208.356	103.521.029.113
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.483.691	(3.564.001)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		167.859.466.031	84.634.894.592

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 7 năm 2015

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc

TRẦN PHƯỚC MINH

LÊ XUÂN ĐỊNH

LÊ VĂN CHUNG



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 29 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.
Tổng vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 29 tháng 05 năm 2015 là 855.000.000.000 VNĐ (Tám trăm năm mươi năm tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách công ty con bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
+ Công ty Cp đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản	QL80, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	79,25%	79,25%
+ Công ty Cp Dầu Cá Châu Á	QL80, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	76,33%	91,67%
+ Công ty Cp Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	326 Hùng Vương-P.Mỹ Long-Tp.Long Xuyên An Giang	72,80%	75,35%

Công ty Cp Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I nắm quyền kiểm soát của 3 công ty con trên từ ngày 31 tháng 03 năm 2015.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản được xác định là tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển... hiện có của doanh nghiệp tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá g

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính

Dự phòng đầu tư tài chính:

- Dự phòng đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phát sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

0314/2
CÔNG TY
PHÂN
VÀ PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA
I.D.I
ĐỒNG THÁP

501172
CÔNG TY
CH NHIỆM HỮU
H VU TU
HÌNH KẾ
KIỂM TÍNH
PHÍA NA
TP. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000002 ngày 08 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 51121000003 ngày 24 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống" với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 22%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2008) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
Tiền mặt	471.867.701	483.689.005
Tiền gửi không kỳ hạn	95.387.598.330	38.343.519.351
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	72.000.000.000	27.300.000.000
Cộng	167.859.466.031	66.127.208.356

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Tóm tắt hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cp Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản	QL80, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	79,25%	79,25%	Sản xuất, chế biến thủy sản...
Công ty Cp Dầu Cá Châu Á	QL80, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	76,33%	91,67%	Sản xuất thương mại
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang	72,80%	75,35%	Tư vấn, thiết kế xây dựng, kinh doanh bất động sản...

Công ty Cp Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I nắm quyền kiểm soát của 3 công ty con trên từ ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Các giao dịch chủ yếu giữa doanh nghiệp với công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Nội dung	Công ty Cp Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản	Công ty Cp Dầu Cá Châu Á
- Bán dầu cá, vật tư, mỡ cá...		29.261.693.256
- Bán phụ phẩm cá	70.713.248.880	
- Bán mỡ cá	70.453.662.930	
- Chuyển nhượng nhà máy dầu	156.123.059.000	
- Cho mượn tạm	146.504.111	5.000.000.000
- Mua dầu cá Ranee		310.800.000
- Mua mỡ cá	42.187.052.385	

05. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/06/2015	01/01/2015
Công ty TNHH MTV Kiểm Định & Đầu Tư Toàn Cầu LLC"MEKONG FOOD"	104.199.043.420	
Đối tượng khác	54.955.622.700	53.938.767.055
	240.409.602.360	290.579.868.549

b) Phải thu của khách hàng dài hạn

Cộng

399.564.268.480

344.518.635.604

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	30/06/2015	01/01/2015
Công ty Cp Tập đoàn Sao Mai	Cổ đông lớn	5.591.148.829	11.109.354.688
Công ty Cp Dầu Cá Châu Á	Công ty con	29.261.698.413	5.157
Công ty Cp Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản	Công ty con	4.927.794.923	27.833.895.248

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

06. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015		01/01/2015	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
a) Ngắn hạn	87.618.701.233	264.000.000	90.781.882.406	158.400.000
Tạm ứng	59.525.159.869		28.440.790.530	
Cho mượn	5.268.706.722		5.415.210.833	
Các khoản chi hộ	14.156.079.934		14.087.654.434	
Phải thu khác	8.668.754.708	264.000.000	42.838.226.609	158.400.000
b) Dài hạn	15.068.546.199		12.985.113.749	
Ký cược, ký quỹ	15.068.546.199		12.985.113.749	
Cộng	102.687.247.432	264.000.000	103.766.996.155	158.400.000

07. NỢ XẤU

	30/06/2015		01/01/2015	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
LLC "Sata Fish Ltd"	9.098.595.000	9.098.595.000	8.930.241.750	8.930.241.750
Alfredo Foods	8.719.557.660		8.558.217.819	
Alliance Seafood Group	8.752.434.134		8.590.485.973	
Lapson International Trading Ltd	4.297.162.855		4.217.651.531	
Sarl Globe Alliance	6.827.550.840		6.701.219.206	
Đối tượng khác	5.765.846.718		5.866.848.673	
Cộng	43.461.147.207	9.098.595.000	42.864.664.952	8.930.241.750

08. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015	01/01/2015
- Nguyên liệu, vật liệu	48.397.811.901	31.852.739.839
- Công cụ, dụng cụ	704.647.318	449.126.258
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	249.890.624.506	170.604.666.004
- Thành phẩm	168.210.664.170	197.400.517.289
- Hàng hóa	10.164.918.733	110.985.523.416
- Hàng gửi đi bán	12.353.416.255	11.311.019.464
Cộng	489.722.082.883	522.603.592.270

09. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
b) Xây dựng cơ bản dở dang	10.199.594.446	110.509.966.651
Mua sắm	221.499.998	1.461.499.998
Xây dựng cơ bản	9.978.094.448	109.048.466.653
+ Khu công nghiệp huyện Lấp Vò	1.565.846.400	32.614.674.347
+ Trạm dừng chân-bến xe Lấp Vò	90.318.182	90.318.182
+ Nhà máy đông lạnh	518.181.818	518.181.818
+ Khu liên hợp Công nghiệp và cảng biển quốc tế IDI	454.545.455	454.545.455
+ Đất khu tái định cư	4.434.599.133	5.927.374.928
+ Nhà máy tinh lọc dầu cá	1.976.218.046	67.719.533.373
+ Bất động sản		1.723.838.550
+ Vùng nuôi Định Yên	204.768.188	
+ Vùng nuôi cá rô phi tại Cồn Quạ - Chi phí chung	690.717.226	
+ Vùng nuôi Cồn Quạ Hầm số 01	42.900.000	
Cộng	10.199.594.446	110.509.966.651

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

10. TÀNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH						Đơn vị tính: VND
Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	126.216.902.802	271.883.686.585	5.436.039.049	947.102.800	4.272.506.059	408.756.237.295
2. Số tăng trong kỳ	129.494.090	398.000.000				527.494.090
- Mua trong kỳ		398.000.000				398.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	129.494.090					129.494.090
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ		37.847.321.492	642.930.909			38.490.252.401
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		37.847.321.492	642.930.909			38.490.252.401
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	126.346.396.892	234.434.365.093	4.793.108.140	947.102.800	4.272.506.059	370.793.478.984
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ	10.484.238.655	83.846.647.923	3.405.122.050	613.536.061	1.369.234.080	99.718.778.769
2. Khấu hao trong kỳ	1.978.076.741	10.425.317.995	193.153.862	45.426.744	324.168.738	12.966.144.080
- Khấu hao trong kỳ	1.978.076.741	10.425.317.995	193.153.862	45.426.744	324.168.738	12.966.144.080
- Tăng khác						
3. Giảm trong kỳ		2.733.417.669	43.040.656			2.776.458.325
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		2.733.417.669	43.040.656			2.776.458.325
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	12.462.315.396	91.538.548.249	3.555.235.256	658.962.880	1.693.402.818	109.908.464.524
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	115.732.664.147	188.037.038.662	2.030.916.999	333.566.739	2.903.271.979	309.037.458.526
2. Tại ngày cuối kỳ	113.884.081.496	142.895.816.844	1.237.872.884	288.139.920	2.579.103.241	260.885.014.460

1141298
 G TY
 H H N
 PHAT TRIEN
 OC GIA
 D.I
 HONG
 030601
 CÔNG
 TRÁCH NHIỆM
 DỊCH VỤ
 TÀI CHÍNH
 VÀ KIỂM
 PHÍA
 V.I - TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính riêng
06 tháng đầu năm 2015**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

06 tháng đầu năm 2015

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Bản quyền, bảng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	84.068.336.291			95.000.000		84.163.336.291
2. Số tăng trong kỳ	32.643.172.407					32.643.172.407
- Mua trong kỳ	32.643.172.407					32.643.172.407
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tặng khác						
3. Số giảm trong kỳ	19.611.515.613					19.611.515.613
- Thanh lý, nhượng bán	19.611.515.613					19.611.515.613
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	97.099.993.085			95.000.000		97.194.993.085
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ	1.817.452.026			31.116.753		1.848.568.779
2. Khấu hao trong kỳ	403.864.356			8.425.002		412.289.358
- Khấu hao trong kỳ	403.864.356			8.425.002		412.289.358
- Tăng khác						
3. Giảm trong kỳ	1.513.353.997					1.513.353.997
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán	1.513.353.997					1.513.353.997
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	707.962.385			39.541.830		747.504.140
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	82.250.884.265			63.883.247		82.314.767.512
2. Tại ngày cuối kỳ	96.392.030.700			55.458.170		96.447.488.945



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

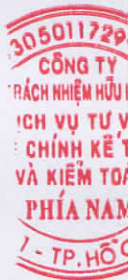
06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC				
a) Ngắn hạn				
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	782.588.014		1.457.142.127	960.705.616
Chi phí đi vay				
Các khoản khác	801.455.823		496.436.511	
b) Dài hạn				
Chi phí thành lập doanh nghiệp	631.956.821		2.900.304.755	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	390.012.376		2.669.193.643	
Các khoản khác	241.944.445		231.111.112	
Cộng	2.216.000.658		4.357.446.882	

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	30/06/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
- VND	1.320.982.149.753	1.320.982.149.753	2.025.791.477.192	1.648.815.821.857	944.006.494.418	944.006.494.418
- USD	539.004.687.185	539.004.687.185	1.069.750.687.185	1.051.467.500.760	520.721.500.760	520.721.500.760
	781.977.462.568	781.977.462.568	956.040.790.007	597.348.321.097	423.284.993.658	423.284.993.658
b) Vay dài hạn						
Trên 1 năm đến 5 năm	90.058.625.760	90.058.625.760	63.029.312.880	18.735.651.430	45.764.964.310	45.764.964.310
- VND	90.058.625.760	90.058.625.760	63.029.312.880	18.735.651.430	45.764.964.310	45.764.964.310
- USD	90.000.000.000	90.000.000.000	63.000.000.000	16.648.000.000	43.648.000.000	43.648.000.000
Trên 5 năm	58.625.760	58.625.760	29.312.880	2.087.651.430	2.116.964.310	2.116.964.310



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

Thời hạn	06 tháng đầu năm 2015		06 tháng đầu năm 2014	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	14.581.860.424	3.186.138.262	7.727.748.555	1.625.221.960
Trên 1 năm đến 5 năm				
Trên 5 năm	14.581.860.424	3.186.138.262	7.727.748.555	1.625.221.960
Cộng				
				6.102.526.595

d) Giá trị nợ thuế tài chính

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Gốc nợ thuế tài chính	49.166.234.653	49.166.234.653	60.561.956.815	60.561.956.815
Lãi thuế tài chính phải trả				
Cộng	49.166.234.653	49.166.234.653	60.561.956.815	60.561.956.815

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	168.752.472.401	168.752.472.401	207.820.569.986	207.820.569.986
+ Công ty TNHH MTV Mỹ Kiều	18.299.231.213	18.299.231.213	7.527.092.017	7.527.092.017
+ Công ty TNHH MTV Proconco Cần thơ	29.834.140.000	29.834.140.000	29.828.238.300	29.828.238.300
+ Phải trả cho các đối tượng khác	120.619.101.188	120.619.101.188	170.465.239.669	170.465.239.669

b) Các khoản phải trả người bán dài hạn

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

d) Phải trả người bán là các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	30/06/2015		01/01/2015	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cp Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản	Công ty con	2.500.000.000	2.500.000.000		
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	Công ty con	341.883.000	341.883.000	341.883.000	341.883.000
Cộng		2.841.883.000	2.841.883.000	341.883.000	341.883.000

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp

Thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động SXKD chính
 Thuế thu nhập cá nhân
 Thuế tài nguyên
Cộng

	30/06/2015		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		01/01/2015
	Giá trị	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm			
	6.482.504.022	12.598.129.333	9.352.343.834	3.236.718.523			
	200.195.169	141.354.585	639.738.298	698.578.882			
	15.285.000	22.935.000	37.440.000	29.790.000			
Cộng	6.697.984.191	12.762.418.918	10.029.522.132	3.965.087.405			

b) Phải thu

Thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động KD bất động sản

	30/06/2015		Số phải thu trong năm		Số đã thu trong năm		01/01/2015
	Giá trị	Số phải thu trong năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm			
	594.516.644	480.867.332		113.649.312			
Cộng	594.516.644			113.649.312			



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	52.287.503	52.287.503
Kinh phí công đoàn	574.261.280	459.263.280
Bảo hiểm xã hội	290.104.750	
Bảo hiểm y tế	50.854.500	
Bảo hiểm thất nghiệp	22.132.000	
Phải trả về cổ phần hóa		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.059.760.412	9.304.100.230
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	735.250.000	770.250.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.049.965.640	7.327.403.356
Cộng	18.834.616.085	17.913.304.369

b) Dài hạn

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn		
b) Dài hạn	162.959.328	195.551.194
Doanh thu nhận trước		
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	162.959.328	195.551.194
Cộng	162.959.328	195.551.194

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính riêng
06 tháng đầu năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu kỳ trước	380.000.000.000	17.668.800.000		20.000.279.178	159.838.356.812
Tăng vốn trong kỳ trước	76.000.000.000				
Lãi trong kỳ trước				2.098.539.573	90.419.311.265
Tăng do trích lập từ lợi nhuận					
Giảm vốn trong kỳ trước					(3.098.539.573)
Trích quỹ từ lợi nhuận					(114.000.000.000)
Lỗ trong kỳ trước					(384.000.000)
Chia cổ tức					(649.381.320)
Thù lao hội đồng quản trị					
Giảm khác					
Số dư đầu kỳ này	456.000.000.000	17.668.800.000		22.098.818.751	132.125.747.184
Tăng vốn trong kỳ này	399.000.000.000				
Lãi trong kỳ này					34.810.758.920
Tăng do trích từ lợi nhuận					
Tăng khác					
Trích quỹ từ lợi nhuận					
Giảm vốn trong kỳ này					
Lỗ trong kỳ này					(804.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị					
Giảm khác		(402.000.000)			
Số dư cuối kỳ này	855.000.000.000	17.266.800.000		22.098.818.751	166.132.506.104



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

19. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối kỳ	%	Đầu kỳ	%
Do pháp nhân nắm giữ:	226.898.380.000	26,54%	140.324.460.000	30,77%
Do thể nhân nắm giữ	628.101.620.000	73,46%	315.675.540.000	69,23%
Cộng	855.000.000.000		456.000.000.000	

19. c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu kỳ	456.000.000.000	380.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	399.000.000.000	76.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	855.000.000.000	456.000.000.000

19. d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	85.500.000	45.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	85.500.000	45.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	85.500.000	45.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	85.500.000	45.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	85.500.000	45.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

19. đ) Cổ tức

Ngày 08 tháng 07 năm 2015, Công ty đã công bố thông tin về việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ là 15% cổ phiếu theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12406/NQ - HĐQT/2015 ngày 24 tháng 06 năm 2015.

19. e) Các quỹ của công ty:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Quỹ đầu tư phát triển	22.098.818.751	22.098.818.751
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

19. g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể

Thù lao hội đồng quản trị	804.000.000
---------------------------	-------------

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Ngoại tệ các loại		
- Dollar Mỹ (USD)	157.058,07	886.872
- Bảng Anh (EUR)	2.016,51	2.022
- Đô la Hồng Kông (HKD)	12.700,00	12.700
- Nhân dân tệ (CNY)	13.182,00	7.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	973.408.229.046	954.427.446.330
Doanh thu cung cấp dịch vụ	705.593.180	2.565.848.218
Doanh thu bất động sản đầu tư	3.044.321.964	101.006.078.427
Doanh thu từ gia công cá file		7.196.855.400
Doanh thu từ dầu cá		75.249.138.438
Doanh thu từ đầu tư xây dựng	77.126.262.102	
Doanh thu khác	1.727.724.954	603.697.272
Cộng	1.056.012.131.246	1.141.049.064.085

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2015
Công ty cổ phần Dầu Cá Châu Á	Công ty con	29.254.367.545
Công ty Cp Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản	Công ty con	218.293.173.912

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Giảm giá hàng bán	729.139.471	21.036.000
Hàng bán bị trả lại	27.394.048.302	239.822.235
Cộng	28.123.187.773	260.858.235

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	947.773.241.273	954.406.410.330
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	705.593.180	2.565.848.218
Doanh thu thuần bất động sản đầu tư	556.121.964	100.766.256.192
Doanh thu thuần từ gia công cá file		7.196.855.400
Doanh thu thuần từ dầu cá		75.249.138.438
Doanh thu thuần từ đầu tư xây dựng	77.126.262.102	
Doanh thu thuần khác	1.727.724.954	603.697.272
Cộng	1.027.888.943.473	1.140.788.205.850

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	817.514.895.015	853.601.033.994
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.944.585.787	1.784.105.078
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	1.492.775.795	68.702.975.455
Giá vốn từ gia công cá file		7.196.855.400
Giá vốn từ dầu cá		75.376.049.858
Giá vốn từ đầu tư xây dựng	67.066.314.871	
Giá vốn khác	588.320.954	603.697.272
Cộng	889.606.892.422	1.007.264.717.057

331412
 NG TY
 PHÂN
 VÀ PHÁT T
 UỐC G
 .D.I
 T. BỐY

50112
 CÔNG
 NHẬN
 VỤ T
 HÌNH N
 KIỂM
 HÓA N
 TP. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	555.101.291	1.923.118.160
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi bán ngoại tệ		118.543.989
- Lãi chênh lệch tỷ giá	3.055.881.542	2.711.872.976
- Lãi bán hàng trả chậm		111.816.998
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	36.945.838	274.129.233
Cộng	3.647.928.671	5.139.481.356

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
- Lãi tiền vay	35.555.470.591	24.763.316.205
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lỗ do bán ngoại tệ		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.177.314.115	3.726.349.149
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		124.583.399
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(3.099.309.972)	
- Chi phí tài chính khác	403.958.799	460.820.000
Cộng	44.037.433.533	29.075.068.753

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	5.779.404.975	5.198.930.184
Chi phí bằng tiền khác	4.338.983.053	3.930.594.320
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	2.735.059.181	5.421.387.934
Các khoản chi phí QLDN khác	1.022.236.460	802.827.280
Cộng	13.875.683.669	15.353.739.718
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí vận chuyển hàng hóa	27.050.732.548	23.430.536.683
Chi phí bằng tiền khác	14.516.436.270	8.677.350.693
Các khoản chi phí QLDN khác	4.441.048.335	5.183.205.827
Cộng	46.008.217.153	37.291.093.203

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

28. THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	11.175.271.193	10.000
Tiền phạt thu được	3.623.968	
Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xoá sổ		12.088
Các khoản khác	129.681.790	89.739.271
Cộng	11.308.576.951	89.761.359

29. CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
Phân bổ công cụ dụng cụ	1.750.273.549	
Chi phí do phạt vi phạm hợp đồng		18.701.303
Các khoản bị phạt	447.975.381	33.783.377
Các khoản khác	190.952.467	63.700.225
Cộng	2.389.201.397	116.184.905

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	545.136.832.447	923.869.880.498
Chi phí nhân công	43.512.637.596	40.988.511.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.541.713.978	15.409.285.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.181.760.443	24.554.561.093
Chi phí khác bằng tiền	8.814.183.064	2.442.478.772
Cộng	631.187.127.528	1.007.264.717.057

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.494.051.927	4.474.585.820
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	5.623.210.074	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.117.262.001	4.474.585.820

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Số tiền đi vay thực nhận trong kỳ:**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 2.083.666.678.874 VND

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 1.666.435.679.328 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

33. 1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Cổ đông lớn
Cty CP ĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản	Công ty con
Công ty CP Dầu cá Châu Á	Công ty con
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	Công ty con
Công ty CP Nhựt Hồng	Công ty góp vốn

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	- Bán cá thành phẩm	46.179.035.000
	- Chi phí ủy thác xuất khẩu	361.900.000
	- Chi hộ cước vận chuyển	2.351.256.740
	- Chi dùm tiền BHXH	6.727.500
	- Mua cá tra nguyên liệu	152.689.509.112
	- Phải trả ủy thác xuất khẩu	48.884.788.359
	- Phải trả tiền chi hộ BHXH	29.956.000

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP Dầu cá Châu Á	- Bán dầu cá, vật tư, mỡ cá...	29.261.693.256
	- Cho mượn tạm	5.000.000.000
	- Mua dầu cá Ranee	310.800.000
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	- Chuyển nhượng nhà máy dầu	156.123.059.000
	- Bán phụ phẩm cá	70.713.248.880
	- Bán mỡ cá	70.453.662.930
	- Cho mượn tạm	146.504.111
	- Chi hộ tiền BHXH	14.300.000
	- Mua mỡ cá	42.187.052.385

3141296
CÔNG TY
PHẦN
VÀ PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA
I.D.I
- f. ĐỒNG

5811720-C
CÔNG TY
NHIỆM HỮU HẠN
TƯ VẤN VÀ
TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN
HÀ NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Đến ngày 30/6/2015, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	- Bán cá thành phẩm - Thu tiền bán nền Bình Khánh - Phải thu Ủy thác xuất khẩu - Phải thu chi hộ phí hoa hồng - Thanh toán trước tiền mua cá NL	5.591.148.829 771.904.000 4.090.981.004 14.096.279.934 44.358.918.875
Công ty CP Dầu cá Châu Á	- Phải thu tiền bán mỡ cá - Phải thu tiền chi hộ BHXH - Phải thu tiền cho mượn tạm	29.261.698.413 59.800.000 5.000.000.000
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	- Phải thu tiền bán phụ phẩm	4.927.794.923
Công ty CP Tư vấn và ĐT Tài chính	- Phải thu khác - Phải thu tiền cho mượn tạm	185.333.000 4.011.372.222
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)

Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	- Phải trả tiền mua mỡ cá	2.500.000.000
Công ty CP Tư vấn và ĐT Tài chính	- Phí tư vấn xây dựng	341.883.000

33. 2. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng nội bộ của Công ty.

a. Khu vực địa lý

Tại ngày 30/06/2015, Công ty có trụ sở tại Tỉnh Đồng Tháp và không có chi nhánh. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

b. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là mua bán chế biến thủy hải sản.

33. 3. THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất làm trụ sở hoạt động chính tại QL 80, cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp với thời hạn thuê đất là 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính riêng
06 tháng đầu năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

33. 4. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	167.859.466.031		66.127.208.356	
Phải thu khách hàng	399.564.275.448	(38.207.147.630)	344.518.635.604	(35.577.688.449)
Trả trước cho người bán	400.211.624.510		133.674.499.167	
Các khoản phải thu khác	102.687.247.432	(264.000.000)	103.766.996.155	(158.400.000)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	338.783.381.051		21.483.381.051	
Đầu tư tài chính dài hạn	365.135.500.000	(135.529.762)	131.209.500.000	(3.234.839.734)
Cộng	1.070.322.613.421	(38.471.147.630)	648.087.339.282	(35.736.088.449)
			1.031.851.465.791	612.351.250.833
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	168.752.472.401		207.820.569.986	
Người mua trả tiền trước	15.760.766.905		15.760.766.905	
Vay và nợ	1.460.207.010.166		1.050.333.415.543	
Phải trả người lao động	11.091.344.175		19.275.731.456	
Các khoản phải trả khác	18.834.616.085		17.913.304.369	
Cộng	1.674.646.209.732		1.295.343.021.354	
			1.674.646.209.732	1.295.343.021.354

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác, nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

33. 5. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY**a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

b. Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

c. Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Tại ngày 30/06/2015	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	168.752.472.401			168.752.472.401
Người mua trả tiền trước	15.760.766.905			15.760.766.905
Vay và nợ	1.320.982.149.753	139.224.860.413		1.460.207.010.166
Các khoản phải trả phải nộp khác	18.834.616.085			18.834.616.085
Cộng	1.524.330.005.144	139.224.860.413		1.663.554.865.557

14129
CÔNG TY
HẠN
PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA
I.D.I
ĐỒNG

50117
CÔNG TY
CH NHIỆM
H VỤ TƯ
HÌNH KÍ
KIỂM T
HÓA NÀ
36
TP. HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp: Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

f. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

g. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến hoạt động tiền gửi ngân hàng và việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND. Công ty đánh giá rủi ro này ảnh hưởng không đáng kể.

h. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

i. Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

33. 6. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 kết thúc ngày 31/12/2014 và Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30/06/2014 đã được soát xét bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs). Số liệu này được phân loại lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính để so sánh.

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 7 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



TRẦN PHƯỚC MINH

LÊ XUÂN ĐỊNH

LÊ VĂN CHUNG

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA AASCS:

1. DỊCH VỤ KIỂM TOÁN:

- Kiểm toán báo cáo tài chính.
- Kiểm toán vì mục đích thuế.
- Kiểm toán hoạt động - tuân thủ - nội bộ.
- Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.
- Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.
- Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
- Soát xét báo cáo tài chính.
- Kiểm toán các thông tin tài chính.

2. DỊCH VỤ KẾ TOÁN:

- Dịch vụ ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.
- Dịch vụ báo cáo thuế.
- Xây dựng các mô hình tổ chức bộ máy & tổ chức công tác kế toán.

3. DỊCH VỤ TƯ VẤN:

- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp.
- Tư vấn cổ phần hóa: xây dựng phương án cổ phần hóa, phương án kinh doanh, Điều lệ công ty, tư vấn tổ chức đại hội cổ đông, quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- Tư vấn thuế.
- Tư vấn quản lý doanh nghiệp.
- Tư vấn tài chính - kế toán, phân tích tài chính.

4. ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC:

- Tổ chức các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị doanh nghiệp, ứng dụng tin học trong công tác kế toán.
- Cung cấp và hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán.
- Cung cấp các văn bản pháp quy, các thông tin kinh tế - tài chính, sổ sách biểu mẫu, chứng từ.
- Hỗ trợ tuyển dụng nhân viên.

WIDE RANGE OF AASCS SERVICES:

1. AUDITING SERVICES:

- Audit of financial statements;
- Audit for taxation;
- Audit of operation - conformity - internal;
- Audit of the final accounts of basic construction investment;
- Audit of the completed projects final accounts;
- Audit of assets valuation for enterprises;
- Review of financial statements;
- Audit of financial information.

2. ACCOUNTING SERVICES:

- Recording the accounts and financial statements services;
- Taxation reports services;
- Establishment of the organizational kinds of apparatus & accounting.

3. CONSULTANCY SERVICES:

- Consultancy of assets valuation for enterprise;
- Consultancy of privatization: founding the privatized plan, business plan, company regulations, holding the shareholder's meeting, final accounts of privatization expenditure;
- Consultancy of taxation;
- Consultancy of business management;
- Consultancy of finance - accounting, financial analysis.

4. STAFF TRAINING AND OTHER SERVICES:

- Launching the development courses of finance, accounting, auditing, business management, and courses of informatics applications in accounting;
- Provision and introductions to use the accounting software;
- Providing the statutory documents, economic financial information, books, vouchers;
- Assisting in staffs recruitment.